

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 tháng 03 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Công tác xã hội, mã số ngành: 9760101

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Công tác xã hội ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Xã hội học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI
MÃ SỐ : 9760101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2919/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Công tác xã hội

+ Tên tiếng Anh: Social work

- Mã số ngành đào tạo: 9760101

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Công tác xã hội

+ Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Social work

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội nhằm truyền đạt các kiến thức chuyên sâu giúp người học có năng lực sáng tạo, phát triển tri thức mới, phân tích phản biện các chính sách, chương trình và mô hình dịch vụ Công tác xã hội, đề xuất được các dự báo, khuyến nghị giải quyết vấn đề cho các nhóm dễ bị tổn thương, có năng lực tổ chức, quản lý và thực hiện các nghiên cứu độc lập, tham gia các diễn đàn học thuật trong nước và

quốc tế, phổ biến tri thức chuyên môn cho cộng đồng; và có năng lực đào tạo. Người tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ công tác xã hội có triển vọng trở thành các chuyên gia, nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực hoạt động xã hội, an sinh xã hội và công tác xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo tiến sĩ Công tác xã hội nhằm đào tạo người học:

+ Kiến thức: Có kiến thức lý luận chuyên sâu về Công tác xã hội, có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp, phát triển bản thân và học tập suốt đời;

Có tư duy phản biện và sử dụng được các lý thuyết các ngành khoa học xã hội và Công tác xã hội để phân tích các vấn đề xã hội, sáng tạo các khái niệm, lý thuyết mới, có năng lực thiết kế và thực hiện nghiên cứu về chính sách, dịch vụ hỗ trợ Công tác xã hội để đóng góp cho sự phát triển, nâng cao nhận thức về các vấn đề, hiện tượng xã hội;

+ Kỹ năng: Kỹ năng phát triển, phản biện, công bố và chia sẻ kiến thức Công tác xã hội với công chúng học thuật và cộng đồng xã hội. Thực hiện chuyên nghiệp việc cung cấp dịch vụ tư vấn, phản biện các dịch vụ xã hội và chính sách xã hội;

+ Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự chủ và trách nhiệm cao với hoạt động nghề nghiệp và có khả năng tham gia đào tạo và tự đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc Gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển:

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành Công tác xã hội. Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và có 1 năm kinh nghiệm. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có);

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu trong danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, một phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiên sĩ công tác xã hội bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1 Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Báo chí

và truyền thông, Quản trị- quản lý;

+ Ngành: Giáo dục đặc biệt, Đông phương học, Chính trị học, Triết học, Luật, Lịch sử, Y tế công cộng, Văn hóa học, Tôn giáo học, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Quản lý giáo dục, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội	3
2	Hành vi con người và môi trường xã hội	3
3	Công tác xã hội với cá nhân	3
4	Công tác xã hội với nhóm	3
5	Phát triển cộng đồng	3
Tổng		15

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 5-10 nghiên cứu sinh/1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án thể hiện được việc phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực công tác xã hội, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

- Luận án tiến sĩ ngành Công tác xã hội phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Về cấu trúc của luận án tiến sĩ ngành Công tác xã hội học phải đảm bảo tối thiểu có các phần sau:

+ Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

+ Tổng quan về vấn đề nghiên cứu;

+ Cơ sở lý thuyết; giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;

+ Kết luận và khuyến nghị;

+ Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

+ Danh mục các công trình/bài báo đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);

+ Phụ lục (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ: Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó nghiên cứu sinh có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho nghiên cứu sinh sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án.

- Luận án trước khi bảo vệ phải được kiểm tra sao chép, trùng lặp.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Romans, cỡ chữ 13, và không quá 300 trang, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên

ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

- Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

- Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO1: Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ nghiên cứu công tác xã hội sau khi hoàn thành các học phần bổ túc kiến thức sẽ phân tích được về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO2: Hệ thống hoá các lý thuyết công tác xã hội chuyên sâu để giải thích được các vấn đề xã hội trong công tác xã hội.

PLO3: Vận dụng, phân tích và đánh giá có phản biện các kiến thức về các lĩnh vực chuyên sâu trong công tác xã hội như chính sách, phúc lợi xã hội, các dịch vụ công tác xã hội trong các lĩnh vực cụ thể như y tế, chăm sóc sức khỏe, trường học, gia đình, người cao tuổi và người khuyết tật để đưa ra các nhận định, suy luận, đánh giá chính xác về vấn đề của các nhóm dễ bị tổn thương, các vấn đề xã hội... vào hoạt động nghề nghiệp.

PLO4: Xác định và vận dụng được các phương pháp nghiên cứu và can thiệp của công tác xã hội trong thiết kế, tổ chức, triển khai, đánh giá trong công tác xã hội một cách

độc lập.

PLO5: Vận dụng được những kiến thức về các yêu cầu đối với nghiên cứu công tác xã hội, kiến thức về phân tích, xử lý dữ liệu để thực hiện được đề cương nghiên cứu và cung cấp thông tin về vấn đề xã hội trong lĩnh vực công tác xã hội.

PLO6: Phân tích, đánh giá, phản biện được các nghiên cứu, các mô hình can thiệp trong lĩnh vực công tác xã hội.

3.3. Kiến thức học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

PLO7: Phân tích và đánh giá hoạt động giáo dục công tác xã hội, quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội, các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.

PLO8: Phân tích, đánh giá có phản biện các kiến thức về các lĩnh vực chuyên sâu trong công tác xã hội với các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, tôn giáo, pháp luật, bất bình đẳng, đói nghèo và phát triển cộng đồng để từ đó đưa ra các nhận định, suy luận, đánh giá chính xác về vấn đề của các nhóm dễ bị tổn thương và các vấn đề xã hội trong lĩnh vực công tác xã hội.

PLO9: Phân tích, đánh giá được các kiểu thiết kế nghiên cứu và lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với đề tài luận án.

PLO 10: Phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá các nghiên cứu về cùng một chủ đề/vấn đề và các nguồn tài liệu, cấu trúc của các dạng tài liệu học thuật để thực hiện các chuyên đề tiến sĩ, các bài báo khoa học và luận án tiến sĩ.

PLO11: Sáng tạo, phát triển và đề xuất được các khuyến nghị trong lĩnh vực nghiên cứu của mình dựa trên các kiến thức và phương pháp nghiên cứu và thực hành trong công tác xã hội.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO12: Phát triển thiết kế nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, thu thập và phân tích dữ liệu để trình bày được kết quả nghiên cứu, đề xuất khuyến nghị, giải pháp cho các vấn đề xã hội của Công tác xã hội một cách độc lập và giải quyết tình huống khẩn cấp trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO13: Thực hiện thành thạo việc tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, dữ liệu từ các loại nguồn tài liệu khác nhau để phát triển được tri thức về công tác xã hội và các vấn đề xã hội.

PLO14: Thực hiện việc quản lý, lãnh đạo có tay nghề với các chương trình, dự án nghiên cứu về công tác xã hội.

PLO15: Thực hiện chuyên nghiệp việc cung cấp dịch vụ tư vấn, phản biện các dịch vụ xã hội và chính sách xã hội.

PLO16: Thực hiện viết báo cáo kết quả nghiên cứu có tay nghề, thuyết trình, tham gia thảo luận để công bố được các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

PLO17: Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và của ĐHQGHN.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO18: Có khả năng đưa ra các ý tưởng mới, lựa chọn các chủ đề nghiên cứu, quyết định thiết kế nghiên cứu, tổ chức triển khai nghiên cứu, phân tích, đánh giá, tổng hợp dữ liệu nghiên cứu.

PLO19: Có khả năng làm việc độc lập; làm việc theo nhóm trong môi trường toàn cầu, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong quá trình triển khai các hoạt động thực tiễn trong công tác xã hội.

PLO20: Có khả năng tự chủ trong phát triển bản thân, đảm bảo các giá trị đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội để làm việc và đóng góp tích cực cho nghề nghiệp và xã hội.

PLO21: Chính trực và minh bạch trong quá trình nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu, đặt tính độc lập, khách quan của nghiên cứu lên hàng đầu, tôn trọng sự đa dạng văn hóa, đối xử công bằng và tôn trọng những người tham gia nghiên cứu, nhận thức được trách nhiệm của mình đối với xã hội và đóng góp vào việc giải quyết các vấn đề xã hội.

6. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Tiến sĩ công tác xã hội có thể đảm nhận các vị trí việc làm như sau:

- Chuyên gia tư vấn chính sách, chương trình xã hội và dịch vụ xã hội cho các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội;
- Chuyên gia quản lý và điều hành dự án, chương trình phát triển xã hội;
- Nhà phát triển chương trình và dịch vụ xã hội và công tác xã hội;

- Giảng viên, nhà nghiên cứu trong các trường đại học, các viện/trung tâm nghiên cứu, Tổ chức chính trị-xã hội tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ Công tác xã hội, người học có được nền tảng vững chắc và chuyên sâu về các lý thuyết, phương pháp và kỹ năng trong lĩnh vực Công tác xã hội và có năng lực học tập suốt đời, tham gia các khóa đào tạo sau tiến sĩ, tham gia các hội nghị, hội thảo để cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực Công tác xã hội. Tiến sĩ Công tác xã hội có khả năng hợp tác với các chuyên gia trong và ngoài nước để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, có thể tự triển khai các nghiên cứu độc lập để nâng cao trình độ nhiều cơ hội để phát triển sự nghiệp thông qua hoạt động học tập, nghiên cứu và tham gia các hoạt động xã hội khác.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1 Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	90 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	08 tín chỉ
+ Tự chọn:	04/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	06 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	04 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Luận án tiến sĩ: **72** tín chỉ

1.2 Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **124** tín chỉ, trong đó:

- Học phần bổ sung: **34** tín chỉ

- + Bắt buộc: 22 tín chỉ
- + Tự chọn: 12 tín chỉ/53 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ: **12** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 08 tín chỉ
 - + Tự chọn: 04 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **06** tín chỉ
 - + Chuyên đề tiến sĩ: 04 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 02 tín chỉ
 - + Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo: (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)
- Luận án tiến sĩ: **72** tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		12				
I.1	Các học phần bắt buộc		8				
1	SOC8019	Giáo dục Công tác xã hội <i>Social work education</i>	2	25	10	65	
2	SOC8020	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội <i>Administration of Developing Organization for Providing Social services</i>	2	25	10	65	
3	SOC8030	Phân tích chính sách xã hội <i>Social policy analysis</i>	2	25	10	65	
4	SOC8023	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội <i>Designing and Conducting Social work Research</i>	2	25	10	65	
I.2	Các học phần tự chọn		4/12				
5	SOC8058	Viết luận án tiến sĩ <i>Writing doctoral thesis</i>	2	25	10	65	
6	SOC8022	Đánh giá trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng	2	25	10	65	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Mental Healthcare Assessment in Community</i>					
7	SOC8024	Tôn giáo và công tác xã hội <i>Religion and Spirituality and Social work</i>	2	25	10	65	
8	SOC8025	Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng <i>Models and Theories of Community Organization</i>	2	25	10	65	
9	SOC8027	Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật <i>Social work with People violating laws</i>	2	25	10	65	
10	SOC8021	Bất bình đẳng và đói nghèo <i>Poverty and Inequality</i>	2	25	10	65	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, và NCKH		6				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		4				
11	SOC8047	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	SOC8019 SOC8020 SOC8030 SOC8023
12	SOC8048	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	SOC8019 SOC8020 SOC8030 SOC8023
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
13	SOC8060	Tổng quan về tình hình nghiên cứu <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
IV	Luận án		72				
14	SOC9004	Luận án <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	360 0	
Tổng cộng			90				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		34				
I.1	Các học phần bắt buộc		22				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	SOC6135	Hành vi con người và Môi trường xã hội II <i>Human Behavior and the Social Environment II</i>	3	40	10	100	
3	SOC6334	Phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội nâng cao <i>Advanced Research Methods in Social Work</i>	3	40	10	100	
4	SOC6025	Một số lý thuyết về Công tác xã hội <i>Social Work Theories</i>	2	25	10	65	
5	SOC6031	Mô hình Công tác xã hội với cá nhân <i>Social Work Models with Individuals</i>	2	25	10	65	
6	SOC6032	Mô hình Công tác xã hội với nhóm <i>Social Work Models with Groups</i>	2	25	10	65	
7	SOC6033	Tổ chức và Phát triển cộng đồng <i>Community Organization and Development</i>	2	25	10	65	
8	SOC6034	Quản trị Công tác xã hội: Chính sách và hoạch định <i>Social work Administration: Policy and Planning</i>	2	25	10	65	
9	SOC6061	Thực hành Công tác xã hội tại cơ sở <i>Field practicum</i>	2	4	52	44	
II.2	Các học phần tự chọn		12/53				
10	SOC6341	Tham vấn và trị liệu tâm lý trong Công tác xã hội <i>Counseling and psychotherapy in Social work</i>	3	40	10	100	
11	SOC6336	Người khuyết tật: Chính sách và thực hành <i>People with disabilities: Policy and Practice</i>	3	40	10	100	
12	SOC6337	Dịch vụ Công tác xã hội trong trường học <i>Social Work Services in School Settings</i>	3	40	10	100	
13	SOC6270	Công tác xã hội với người cao tuổi:	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		chính sách và thực hành <i>Social work with the elderly: Policy and Practice</i>					
14	SOC6236	Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần <i>Social work in Mental Health</i>	3	40	10	100	
15	SOC6339	Công tác xã hội với trẻ em và gia đình <i>Social work with Children and Families</i>	3	40	10	100	
16	SOC6123	Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội <i>Social Problems and Social Policy</i>	3	40	10	100	
17	SOC6343	Phát triển và đánh giá dịch vụ công tác xã hội <i>Social work Service Development and Evaluation</i>	3	40	10	100	
18	SOC6344	Lí luận về thực hành Công tác xã hội <i>Theory for Practice in Social Work</i>	3	40	10	100	
19	SOC6137	Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế <i>Social Work in Health Settings</i>	3	40	10	100	
20	SOC6138	Phúc lợi xã hội trong bối cảnh toàn cầu <i>Social welfare in global context</i>	3	40	10	100	
21	SOC6139	Nghiên cứu và đánh giá chính sách an sinh xã hội <i>Social security policy: Research and Evaluation</i>	3	40	10	100	
22	SOC6140	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng <i>Social Capital and Community Development</i>	3	40	10	100	
23	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
24	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
25	SOC6332	Phân tích dữ liệu <i>Data analysis</i>	3	40	10	100	
26	SOC6333	Tổng quan tài liệu về vấn đề nghiên cứu <i>Literature Review Guidelines</i>	3	40	10	100	
II	Các học phần tiến sĩ		12				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II.1	Các học phần bắt buộc		8				
27	SOC8019	Giáo dục Công tác xã hội <i>Social work education</i>	2	25	10	65	
28	SOC8020	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội <i>Administration of Developing Organization for Providing Social services</i>	2	25	10	65	
29	SOC8030	Phân tích chính sách xã hội <i>Social policy analysis</i>	2	25	10	65	
30	SOC8023	Thiết kế và triển khai nghiên cứu trong Công tác xã hội <i>Designing and Conducting Social work Research</i>	2	25	10	65	
II.2	Các học phần tự chọn		4/12				
31	SOC8058	Viết luận án tiến sĩ <i>Writing thesis</i>	2	25	10	65	
32	SOC8022	Đánh giá trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng <i>Mental Healthcare Assessment in Community</i>	2	25	10	65	
33	SOC8024	Tôn giáo và công tác xã hội <i>Religion and Spirituality and Social work</i>	2	25	10	65	
34	SOC8025	Các lý thuyết và mô hình tổ chức cộng đồng <i>Models and Theories of Community Organization</i>	2	25	10	65	
35	SOC8027	Công tác xã hội với người có hành vi vi phạm pháp luật <i>Social work with Offenders</i>	2	25	10	65	
36	SOC8021	Bất bình đẳng và đói nghèo <i>Poverty and Inequality</i>	2	25	10	65	
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		6				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		4				
37	SOC8047	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	SOC8019 SOC8020 SOC8030 SOC8023
38	SOC8048	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	SOC8019 SOC8020 SOC8030 SOC8023
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
39	SOC8060	Tổng quan về tình hình nghiên	2	0	0	100	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		cứu <i>Overview of Literature</i>					
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
V	Luận án		72				
40	SOC9004	Luận án tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			124				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1) Lý thuyết

(2) Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3) Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá